| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 333/2019/QĐST-HNGĐ | *Đ, ngày 18 tháng 10 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Căn cứ điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 505/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Anh **Phạm Ngọc V**, sinh năm 1986 và chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1987, cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp 8, xã Thanh Sơn, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Ngọc V và chị Phạm Thị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/4/2007. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con ngày 10/10/2019 anh V và chị D đã thỏa thuận như sau:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc V và chị Phạm Thị D cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Giao cháu Phạm Hồng H sinh ngày 25/02/2008 và Phạm Ngọc H sinh ngày 13/9/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con chung số tiền 1.000.000đ, tổng cộng hai con chung là 2.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2019 đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân và gia đình: Anh V tự nguyện chịu.

Ngày 10/10/2019 anh V và chị D đã làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con như trên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc V và chị Phạm Thị D cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Hồng H sinh ngày 25/02/2008 và Phạm Ngọc H sinh ngày 13/9/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con chung số tiền 1.000.000đ, tổng cộng hai con chung là 2.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2019 đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh V có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

**2**. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng: Anh V tự nguyện nộp. Số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh V đã nộp theo biên lai số 0002618 ngày 10/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình. Anh V đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã Thanh Sơn, huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần V Tuấn**